

Bản án số: 200/2021/HS-PT

Ngày: 12/5/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hùng;

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Văn Hạnh;

Bà Vũ Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:

Ông Trần Văn Nhiệm - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 12 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1028/2020/TLPT-HS ngày 12 tháng 11 năm 2020 do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 109/2020/HS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Mai Văn N**, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Thôn An C 1, xã Liên P, thành phố Hưng Y3, tỉnh Hưng Yên; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Kế toán; Con ông Mai Xuân B và bà Nguyễn Thị H; Tiền án, tiền sự: Không có. Hiện tại bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo vắng mặt tại phiên tòa.

2. **Vũ Thị N1**, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Số nhà 281, đường Hoàng T, khu dân cư Bích N2 2, phường Minh T1, thị xã Kinh M, tỉnh Hải Dương; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Tự do; con ông Vũ Đình N3 và bà Đình Thị L; Chồng Phí Mạnh C1; Tiền án, tiền sự: Chưa có. Hiện tại bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo vắng mặt tại phiên tòa, có gửi đơn xin rút toàn bộ nội dung đơn kháng cáo.

(Trong vụ án này còn có các bị cáo khác, nhưng không kháng cáo, kháng nghị hoặc có kháng cáo, nhưng sau đó đã rút kháng cáo).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH một thành viên Anh N4 tại thành phố Hưng Y3 (viết tắt là công ty Anh N4) được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh D1h lần đầu ngày 17/02/2017, địa chỉ Thôn An C 1, xã Liên P, thành phố Hưng Y3, tỉnh Hưng Yên, do ông Mai Xuân B , sinh năm 1968, địa chỉ: Thôn An C 1, xã Liên P, thành phố Hưng Y3 làm giám đốc, đại diện theo pháp luật của công ty là Mai Văn N (con trai ông B) sinh năm 1983 làm kế toán trưởng công ty; bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968 (vợ ông B) là thủ quỹ; chị Vũ Thị T2, sinh năm 1987 ở thôn Nội L1, xã An V, huyện Tiên L2 là kế toán theo thời vụ do công ty thuê. Trên thực tế, ông Mai Xuân B không điều hành hoạt động kinh D1h mà mọi hoạt động của công ty đều do N4 điều hành và quyết định, ông B chỉ ký trên các giấy tờ, tài liệu khi được N4 yêu cầu.

Từ tháng 02/2017 cho đến tháng 5/2019, Mai Văn N đã nhiều lần mua hàng hóa trôi nổi ngoài thị trường nên không có chứng từ hóa đơn đầu vào. Để cân đối chứng từ giữa đầu vào và đầu bán ra của hàng hóa, qua những mối quan hệ xã hội, N4 quen biết chị Nguyễn Thị T4, sinh năm 1983 trú tại thôn Chi Đ, xã Cộng H , huyện Nam S, tỉnh Hải Dương và Đào Thị T2, sinh năm 1985 trú tại thôn Lam S1, xã Thiện P1 , huyện Tiên L2, tỉnh Hưng Yên. N4 đã đặt vấn đề với T4 và T2 mua hóa đơn đầu vào cho Công ty Anh N4 với mục đích hợp pháp nguồn hàng được T4 và T2 đồng ý. Sau đó, N4 , T4 và T2 đã thống nhất với nhau: Khi có nhu cầu N4 sẽ liên hệ với T4 hoặc T2 để mua hóa đơn, N4 có trách nhiệm cung cấp thông tin mặt hàng, lượng hàng, số tiền để cho T4 hoặc T2 mua hóa đơn cho Công ty Anh N4 . T4 và T2 đã liên hệ với một trong các đối tượng gồm: Nguyễn Thị Hải Y , sinh năm 1990 ở Khu Thượng C2 , phường Tân D , thị xã Kinh M, tỉnh Hải Dương; Phạm Thị D1 , sinh năm 1988 ở số 71 đường Giải P1 , khu Bích N2 1, phường Minh T1, thị xã Kinh M, tỉnh Hải Dương; Vũ Thị N1, sinh năm 1991, ở số 281 đường Hoàng T, khu dân cư Bích N2 2, phường Minh T1, thị xã Kinh M, tỉnh Hải Dương; Trần Thị H1, sinh năm 1983 ở khu Tử Lạc 1, phường Minh T1, thị xã Kinh M, tỉnh Hải Dương và một số cá nhân khác để liên hệ với những công ty xuất hóa đơn viết nội dung, hoàn thiện thủ tục hồ sơ, chuyển lại cho T2 hoặc T4 sau đó T2 hoặc T4 chuyển lại cho N4 . N4 tiếp tục hoàn thiện dấu chữ ký tại mục của Công ty Anh N4 trên hợp đồng, biên bản chốt khối lượng... và chuyển lại một bộ cho T4 hoặc T2 để T2 hoặc T4 chuyển lại cho các đối tượng trên hoặc Công ty đã xuất hóa đơn. Để phù hợp với nguyên tắc thanh toán khi mua hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) không, T4 hoặc T2 hoặc N1, H1, D1, Y hoặc một số cá nhân khác sẽ sử dụng tiền cá nhân để nộp vào tài khoản của Công ty Anh N4 , hoặc nộp tiền vào tài khoản cá nhân N4 , hoặc đưa tiền mặt cho N4 để N4 tự nộp vào tài khoản của Công ty Anh N4 . Sau khi nộp tiền các bị cáo và những đối tượng này sẽ chuyển khoản tiền cần thanh toán từ tài khoản của Công ty Anh N4 đến tài khoản của

Công ty đứng tên xuất hóa đơn GTGT; Nếu trường hợp T4 hoặc T2 tự nộp tiền vào tài khoản của Công ty Anh N4, N4 sẽ viết giấy giới thiệu và ủy nhiệm chi của Công ty Anh N4 cho T4 hoặc T2 để T4 hoặc T2 chuyển tiền đến tài khoản của công ty xuất hóa đơn và thực hiện việc rút N1 y số tiền trên. Hành vi phạm tội của các bị cáo cụ thể như sau:

1. Hành vi mua bán trái phép hóa đơn GTGT giữa: Vũ Thị N1 và Phạm Thị D1 ; Nguyễn Thị Hải Y, Đào Thị T2 và Phạm Thị D1, Mai Văn N

Công ty TNHH một thành viên dịch vụ Hoàng Gia B (*viết tắt là Công ty Hoàng Gia B1*), địa chỉ trụ sở: Thôn Quý C3, xã Nguyên G, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương, do bị can Vũ Thị N1 là Giám đốc và là đại diện pháp luật. Công ty TNHH thương mại và vận tải Tấn P2 (*viết tắt là Công ty Tấn Phát*), địa chỉ trụ sở: Khu Vĩnh L2 1, phường Mạo K, thị xã Đông T, tỉnh Quảng Ninh do bà Hoàng Thị T1, sinh năm 1958, trú tại: Tổ 1, khu Vĩnh L2, phường Mạo K, thị xã Đông T, tỉnh Quảng Ninh làm Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật, tuy nhiên mọi hoạt động của công ty đều do Phạm Thị D1 quản lý và điều hành.

Vào khoảng tháng 4/2017 đến tháng 02/2018, Vũ Thị N1 được Phạm Thị D1 và một người phụ nữ tên T2 (*không xác định được tên tuổi, địa chỉ cụ thể*) đặt vấn đề mua hoá đơn GTGT không của Công ty Hoàng Gia B1 xuất cho Công ty Anh N4 và Công ty cổ phần Vĩnh T1 (*viết tắt là Công ty Vĩnh T1*), địa chỉ trụ sở: Cụm công nghiệp Kim S2, phường Kim S3, thị xã Đông T, tỉnh Quảng Ninh. Vũ Thị N1 đồng ý và bán 05 hoá đơn GTGT của Công ty Hoàng Gia B1, ghi không D1 số tiền hàng: 2.279.115.000đ, thuế GTGT: 227.911.500đ cho bị cáo D1 với số tiền: 113.955.750đ (*tương ứng 5% tiền hàng*). Ngoài ra Vũ Thị N1 còn bán 14 hoá đơn GTGT của Công ty Hoàng Gia B1, ghi không D1h số tiền hàng: 12.596.704.795đ, tiền thuế GTGT: 1.259.670.480đ cho T2 với số tiền: 566.851.715đ (*tương ứng 4,5% tiền hàng*) để xuất cho Công ty Vĩnh T1.

Để hợp thức việc mua bán trái phép hóa đơn giống như các quan hệ mua bán hàng hóa thực tế giữa Công ty Hoàng Gia B1, Công ty Anh N4 và Công ty Vĩnh T1, mỗi lần có nhu cầu lấy hoá đơn, bị cáo D1 và chị T2 trực tiếp trao đổi với bị cáo N1 về mặt hàng, lượng hàng, tiền hàng để bị cáo N1 viết nội dung trên 19 hoá đơn. Đối với 05 hóa đơn GTGT N1 bán cho D1, N1 đã tự hoàn thiện hồ sơ sau đó chuyển cho D1 để D1 chuyển cho Công ty Anh N4. Đối với 14 hóa đơn GTGT N1 bán cho T4, T4 sẽ tự hoàn thiện hồ sơ và chuyển lại cho N1 02 bộ để ký tên đóng dấu, sau đó gửi lại cho T4 01 bộ cùng với 14 hóa đơn GTGT không. Để hợp thức việc thanh toán chuyển khoản, từ tháng 01/2018 đến tháng 5/2018, khi Công ty Anh N4 chuyển tiền đến, bị cáo N1 rút 02 lần với số tiền: 2.507.026.500đ từ tài khoản của Công ty Hoàng Gia B1 để chuyển lại tiền mặt cho D1; từ tháng 8/2017 đến tháng 6/2018, sau khi Công ty Vĩnh T1 chuyển tiền đến, N1 đã nhờ chị Hoàng Thị Phương Q, sinh năm 1990, trú tại: Khu Tử Lạc 1, phường Minh T1, thị xã Kinh M, tỉnh Hải Dương và chị Trương Thị Thu T4, sinh năm 1991, trú tại: Khu Bích N2 1, phường Minh T1, thị xã Kinh M, tỉnh Hải Dương rút 13 lần với tổng số

tiền 13.854.954.000đ từ tài khoản của Công ty Hoàng Gia B1 để chuyển lại cho T2. Số tiền bán hóa đơn, N1 được D1 và T4 trực tiếp trả bằng tiền mặt.

Để cân đối lượng hàng hóa đầu ra ghi trên 19 hóa đơn GTGT không đã bán, Vũ Thị N1 đã mua hóa đơn GTGT đầu vào không của một số công ty trong và ngoài tỉnh Hải Dương với số tiền: 109.397.520đ (*tính bằng 4,8% tiền hàng*) ứng với 05 hóa đơn đã bán cho bị cáo D1 và với số tiền: 617.238.535đ (*tính bằng 4,4% tiền hàng*) ứng với 14 hóa đơn đã bán cho T4. Ngày 25/02/2020, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên ra Kết luận giám định số 77/PC09 : Chữ viết, chữ ký trên 19 hóa đơn GTGT là của Vũ Thị N1. Như vậy, Vũ Thị N1 đã bán 19 hóa đơn GTGT không, hưởng lợi bất chính số tiền là 17.154.900đ. Quá trình điều tra Vũ Thị N1 đã nộp lại 2.000.000đ, số tiền còn lại Vũ Thị N1 đã chi tiêu sử dụng cá nhân hết.

Khoảng tháng 7/2017, Nguyễn Thị Hải Y đặt vấn đề mua hoá đơn GTGT không của Phạm Thị D1 để xuất cho Công ty Anh N4 và được D1 đồng ý. Sau đó, trong khoảng từ tháng 7/2017 đến tháng 8/2018, Phạm Thị D1 bán 09 hoá đơn GTGT của Công ty Tấn Phát, ghi không D1h số tiền hàng: 6.004.513.820đ, thuế GTGT: 600.451.382đ cho Nguyễn Thị Hải Y, với số tiền 60.045.138đ (*trương ứng 1% tiền hàng*). Do Công ty Tấn Phát không đủ lượng hàng hoá xuất theo nhu cầu của Yên, đồng thời Yên yêu cầu D1 xuất hoá đơn không của nhiều Công ty khác nhau nên D1 đã mua thêm 13 hoá đơn GTGT không với số tiền: 426.668.565đ (*trương ứng 5,0% tiền hàng*) để bán lại cho Y với số tiền: 426.668.565đ (*trương ứng 5,0% tiền hàng*), trong đó có: 05 hoá đơn GTGT không của Vũ Thị N1 - Giám đốc Công ty Hoàng Gia B1 ghi không D1h số tiền hàng: 2.279.115.000đ, thuế GTGT: 227.911.500đ; 08 hoá đơn GTGT của Công ty TNHH một thành viên tổng hợp (*viết tắt là công ty Vĩnh X*), D1 mua của một người phụ nữ tên Kiều tại tỉnh Quảng Ninh (*không xác định được tên tuổi, địa chỉ cụ thể*), ghi không D1h số tiền hàng: 6.254.258.127đ, thuế GTGT: 625.425.812đ.

Để hoàn thiện hồ sơ mua bán hàng hóa, sau khi được Nguyễn Thị Hải Y cung cấp thông tin về mặt hàng, khối lượng, số tiền ghi trên hóa đơn, Phạm Thị D1 chỉ đạo chị Trương Thị N soạn T2 hợp đồng, biên bản chốt khối lượng; chị Trần Thị Kim Y1 viết nội dung ghi trên 09 hoá đơn GTGT không của Công ty Tấn Phát; sau đó nhờ bà Hoàng Thị T5 ký hoàn thiện trên 09 hoá đơn và hồ sơ. Đối với 13 hoá đơn GTGT không của Công ty Vĩnh X và Công ty Hoàng Gia B1, D1 chuyển lại thông tin về hàng hóa, số tiền lại cho Vũ Thị N1 và chị Kiều, sau đó, nhận hồ sơ kèm theo 13 hoá đơn GTGT không đã hoàn thiện nội dung, ký, đóng dấu của 02 Công ty. Khi đủ tài liệu, Phạm Thị D1 trao đổi lại với Nguyễn Thị Hải Y và gửi cho Đào Thị T2 để Công ty Anh N4 ký, đóng dấu Công ty trong Hợp đồng, Biên bản chốt khối lượng; sau đó, T2 gửi cho Y để chuyển lại cho D1 một bộ lưu.

Do số tiền ghi trên các hoá đơn GTGT không lớn (*trên 20.000.000đ*) nên để được Cơ quan thuế chấp nhận kê khai hoá đơn, D1, N1, chị K, Y và N4 thống nhất: D1 sử dụng tiền cá nhân để chuyển vào tài khoản cá nhân của Đào Thị T6;

sau đó Thảo rút số tiền trên ra, đưa cho N4 để N4 nộp vào tài khoản của Công ty Anh N4 cùng với tiền mua hóa đơn, chuyển thanh toán trả tiền cho 03 Công ty bán hóa đơn. Từ tháng 8/2017 đến tháng 9/2018, D1 chỉ đạo chị Trương Thị N và chị Trần Thị Kim Y1 nộp 15 lần vào 02 tài khoản Ngân hàng của T với tổng số tiền: 13.923.750.037đ. D1 nhờ chị Ngọc và chị Trần Thị Kim Y rút 08 lần với tổng số tiền 4.303.750.000đ từ tài khoản của Công ty Tấn P. Vũ Thị N1 rút số tiền 2.507.026.500đ từ tài khoản của Công ty Hoàng Gia B1, chị Kiều rút số tiền 6.879.683.939đ để chuyển lại tiền mặt cho D1. T2 chuyển trực tiếp cho bị can N4 số tiền 528.376.500đ nên sau khi rút tiền, D1 chuyển số tiền này cho Y để chuyển trả bị can T2.

Như vậy, tổng số Phạm Thị D1 đã bán cho Nguyễn Thị Hải Y 22 số hóa đơn GTGT của Công ty Tấn Phát, Công ty Hoàng Gia B1 và Công ty Vĩnh X, ghi không D1h số tiền hàng 14.537.886.947đ, thuế GTGT 1.453.788.695đ, hưởng lợi số tiền là 60.045.138đ. Tuy nhiên, để có được số tiền chuyển cho T2 nhằm hợp thức việc thanh toán, D1 đã vay tiền dịch vụ và chi phí cho anh H2 (*không xác định được tên, tuổi, địa chỉ cụ thể*) số tiền 13.923.750đ. Do vậy, số tiền Phạm Thị D1 hưởng lợi bất chính thực tế là 46.121.388đ. Quá trình điều tra, D1 đã nộp lại toàn bộ số tiền được hưởng lợi bất chính trên.

Sau khi có được 22 hóa đơn của D1, Nguyễn Thị Hải Y đã chuyển cho Đào Thị T2 để T2 bán lại cho Mai Văn N cụ thể: Đối với 09 hóa đơn của Công ty Tấn Phát, Y mua của D1 tương ứng với 1% giá trị tiền hàng bán lại cho N4 thông qua T2 là 1,4%; 08 hóa đơn của Công ty Vĩnh Xuân và 05 hóa đơn của Công ty Hoàng Gia B1, Y mua của D1 tương ứng với 5% giá trị tiền hàng bán lại cho N4 thông qua T2 là 5,4%. Như vậy Y và T2 đã trực tiếp bán 22 hóa đơn cho Công ty Anh N4 thu lời được 58.131.548 đồng, trong đó T2 được hưởng 22.000.000đ (*tương ứng với 1.000.000đ/hóa đơn*), Y được hưởng 36.131.548 đồng. Quá trình điều tra, Y và T2 đã nộp lại toàn bộ khoản tiền thu lời bất chính trên.

2. Hành vi mua bán trái phép hóa đơn GTGT giữa: Nguyễn Thị T4 và Trần Thị H1; Nguyễn Thị T4 và Mai Văn N

Vào khoảng tháng 4/2017, do quen biết, Mai Văn N đã liên hệ, đặt vấn đề mua hóa đơn GTGT không với Nguyễn Thị T4 mục đích cho Công ty Anh N4 sử dụng. Thông qua các mối quan hệ xã hội, T4 biết, liên hệ với Trần Thị H1 và hai người phụ nữ tên V và N2 (*không xác định được tên, tuổi, địa chỉ cụ thể*) là các cá nhân có thể bán hóa đơn GTGT không cho các đơn vị, cá nhân có nhu cầu.

Biết ông Đ1(*không xác định được tên tuổi, địa chỉ cụ thể*) có bán hóa đơn GTGT không cho các đơn vị, cá nhân nên Trần Thị H1 trực tiếp liên hệ với ông Đoàn và mua 13 số hóa đơn GTGT của Công ty TNHH Mai V1 HD (*viết tắt là Công ty Mai V1*), ghi không D1h số tiền hàng: 10.086.307.000đ, tiền thuế GTGT: 1.008.630.700đ, với số tiền: 958.199.165đ (*tương ứng 9,5% tiền hàng*) để bán lại cho bị cáo Nguyễn Thị T4 với số tiền: 978.371.780đ (*tương ứng 9,7% tiền hàng*).

Toàn bộ hồ sơ hoàn thiện do ông Đoàn thực hiện, sau đó chuyển cho H1 để H1 chuyển cho T4 và T4 chuyển lại cho N4 . Trong việc thanh toán 13 hóa đơn này bị can H1 được bị cáo T4 nhờ nộp 01 lần với số tiền 700.000.000đ tiền mặt vào tài khoản của Công ty Anh N4 và rút 05 lần với tổng số tiền: 5.712.251.090đ từ tài khoản của Công ty Mai V1 để chuyển lại tiền cho bị cáo T4. Ngày 24/12/2019, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên ra Kết luận giám định số 11/PC09: Chữ ký, chữ viết trên Giấy rút tiền số 0094 ngày 06/12/2018 và số 0081 ngày 07/12/2018 do Trần Thị H1 ký và viết ra. Như vậy, Trần Thị H1 đã bán 13 hóa đơn GTGT không, hưởng lợi bất chính số tiền là 20.172.600đ. Quá trình điều tra, Trần Thị H1 đã nộp lại toàn bộ số tiền được hưởng lợi trên.

Ngoài việc mua của Trần Thị H1 13 hóa đơn trên, Nguyễn Thị T4 còn liên hệ và mua của đối tượng tên N (*chưa làm rõ được tên tuổi địa chỉ*) 08 hóa đơn GTGT của Công ty TNHH đầu tư xây dựng và vận tải Nam H3 (*viết tắt là công ty Nam H3*) với D1h số tiền hàng 2.454.116.850đ, thuế GTGT 245.411.685đ và mua của đối tượng tên Vy (*chưa làm rõ được tên tuổi, địa chỉ*) 10 hóa đơn của Công ty TNHH phát triển đầu tư thương mại Trung A1 (*viết tắt là công ty Trung A1*) D1h số tiền hàng 5.665.466.950đ, thuế GTGT 566.546.695đ.

Toàn bộ hồ sơ thanh toán do bị cáo Trần Thị H1 và các đối tượng V, N hoàn thiện còn ngày 16/8/2017, T4 đã tự nộp 2.699.500.000đ tiền cá nhân vào tài khoản của công ty Anh N4 , dùng giấy giới thiệu và ủy nhiệm chi của Công ty Anh N4 do N4 để làm thủ tục chuyển tiền sang tài khoản của công ty Nam Hưng và thực hiện rút N1 y số tiền trên để hợp thức việc thanh toán 08 hóa đơn của công ty Nam H3. Ngoài ra T4 trực tiếp nộp tiền mặt 07 lần vào tài khoản cá nhân của bị cáo N4 (số 46510000314930 tại Ngân hàng B4 - Chi nhánh Hưng Yên); chuyển tiền 02 lần từ tài khoản của T4 (số 46010003175195 tại Ngân hàng B4 - Chi nhánh Hải Dương) sang tài khoản của N4 với tổng số tiền 9.882.352.000đ; nhờ Trần Thị H1 nộp 01 lần với số tiền 700.000.000đ vào tài khoản của bị cáo N4 ; chuyển tiền mặt với tổng số tiền 7.415.767.000đ cho Nghĩa để nộp vào tài khoản của Công ty Anh N4 thanh toán tiền hàng cho Công ty Mai V, Công ty Trung A1. Sau khi có tiền trong tài khoản, bị cáo T2 thực hiện rút tiền để lấy lại số tiền đã chuyển cho Nghĩa, trong đó, T4 trực tiếp rút tiền 09 lần với tổng số tiền: 14.534.881.340đ và nhờ bị cáo H1 rút 05 lần với tổng số tiền: 5.712.251.090đ.

Ngày 04/11/2019, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên ra Kết luận giám định số 619/PC09: Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị T4 trên các Giấy nộp tiền mặt số 0047 ngày 12/12/2018, số 0048 ngày 12/3/2019, số 0113 ngày 26/3/2019, số 0007 ngày 27/3/2019, số 0047 ngày 27/3/2019, số 0137 ngày 29/3/2019, số 0023 ngày 04/7/2019, số 0053 ngày 16/8/2017; Ủy nhiệm chi số 0030 ngày 29/3/2019, số 0014 ngày 24/4/2019, số 0057 ngày 16/8/2017 và Giấy giới thiệu số 18 ngày 16/8/2017 do bị cáo T2 ký, viết ra.

Như vậy, Nguyễn Thị T4 đã mua tổng số 31 hóa đơn GTGT ghi không D1h số tiền hàng: 18.205.890.800đ, thuế GTGT: 1.820.589.080đ, với số tiền:

1.765.971.408đ (*trương ứng 9,7% tiền hàng*) để bán lại cho bị cáo N4 , thu được số tiền 1.820.589.000đ (*trương ứng với 10% tiền hàng*). Số tiền T4 hưởng lợi là 54.617.000đ. Tuy nhiên, để có được số tiền chuyển cho Mai Văn N nhằm hợp thức việc thanh toán, T4 đã vay tiền dịch vụ và chi phí cho anh Tuấn (*không xác định được tên, tuổi, địa chỉ cụ thể*) số tiền 20.000.000đ. Do vậy, số tiền bị cáo T4 được hưởng lợi bất chính thực tế là 34.617.000đ. Quá trình điều tra, Nguyễn Thị T4 đã tự nguyện nộp lại số tiền trên.

3. Hành vi bán trái phép 05 hóa đơn GTGT của Mai Văn N

** Hành vi bán trái phép 03 hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH xây dựng Minh Long (viết tắt là Công ty Minh Long):*

Công ty Minh Long có trụ sở tại thôn Ngọc N5, xã Tân P3, huyện Ân T6, tỉnh Hưng Yên, do ông Nguyễn Văn H7, sinh năm 1979 làm Giám đốc, đại diện pháp luật.

Tháng 10/2018, N4 được một người đàn ông (*không xác định được tên tuổi, địa chỉ cụ thể*) đặt vấn đề mua hóa đơn GTGT không của Công ty Anh N4 để xuất cho Công ty Minh L5. N4 đã đồng ý bán 03 hóa đơn GTGT cho Công ty Minh L5, ghi không D1h số tiền hàng 51.800.000đ; thuế GTGT 5.180.000đ thu được số tiền 5.698.000đ (*trương ứng 11% tiền hàng*). Cả 03 hóa đơn GTGT đều ghi số tiền phải thanh toán dưới 20.000.000đ nên không phải thanh toán chuyển khoản qua ngân hàng. N4 tự ký chữ ký của ông B - Giám đốc Công ty và đóng dấu Công ty Anh N4 trên 03 hóa đơn, sau đó giao trực tiếp cho người đàn ông trên. Do phải chi phí 10% tiền mua hóa đơn đầu vào nên số tiền bị cáo N4 được hưởng lợi bất chính số tiền là 518.000đ.

** Hành vi bán trái phép 01 hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH Khang N7(viết tắt là Công ty Khang N7)*

Công ty Khang N7 có trụ sở tại thôn Trung, thị trấn Ân T5, huyện Ân T6, tỉnh Hưng Yên, do ông Cáp Đức N8, sinh năm 1979 làm Giám đốc, đại diện pháp luật.

Tháng 5/2017, do có quan hệ quen biết với anh Ngô Xuân T10, sinh năm 1983, trú tại: thôn Trần P1, xã Tân H6, thành phố Hưng Y3, tỉnh Hưng Yên. N4 được anh T10 đặt vấn đề mua 01 hóa đơn GTGT không cho Công ty Khang N11 sử dụng. N4 đã đồng ý và bán 01 hóa đơn GTGT, ghi không D1h số tiền hàng 102.272.730đ, thuế GTGT 10.227.273đ với số tiền 11.250.000đ (*trương ứng 11% tiền hàng*) cho anh T10. N4 tự soạn T2 hợp đồng, Biên bản chốt khối lượng, nhờ ông B ký với vai trò Giám đốc, đóng dấu trên Hóa đơn, tài liệu kèm theo chuyển cho anh T10. Công ty Khang N11 thanh toán chuyển khoản số tiền 112.500.000đ vào tài khoản của Công ty Anh N4 . N4 rút tiền từ tài khoản của Công ty Anh N4 , giữ lại số tiền 11.250.000đ là tiền bán hóa đơn, số tiền còn lại 101.250.000đ, bị cáo N4 trực tiếp trả lại tiền mặt cho anh T10. Do phải chi phí 10% tiền mua hóa đơn đầu vào nên số tiền bị cáo N4 được hưởng lợi bất chính là 1.022.700đ.

** Hành vi bán trái phép 01 hóa đơn GTGT cho Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng KTV Minh T6(viết tắt là Công ty Minh T6):*

Công ty Minh T6 có trụ sở tại thôn Ba H2, xã Thủ S2, huyện Tiên L2, tỉnh Hưng Yên, do ông Đào Văn L3, sinh năm 1986 làm Giám đốc, đại diện pháp luật.

Tháng 7/2018, do có quan hệ cung cấp vật liệu cho một số công trình cho Công ty Minh T4, N4 được anh Quách Đức H3 - nhân viên Công ty Minh T6 đặt vấn đề mua 01 hóa đơn GTGT không của Công ty Anh N4 để hợp thức hóa đầu vào cho khối lượng cát mà Công ty Minh T6 mua trôi nổi trên thị trường. Do hám lợi, bị can N4 đồng ý bán 01 hóa đơn GTGT số 0079763 ngày 30/7/2018, ghi D1h số tiền hàng chưa thuế 417.600.000đ, tiền thuế GTGT 41.760.000đ với số tiền 45.936.000đ (*tương ứng với 11% tiền hàng chưa thuế*). N4 tự soạn T2 hợp đồng, Biên bản chốt khối lượng, nhờ ông B ký với vai trò Giám đốc, đóng dấu trên hóa đơn, tài liệu kèm theo chuyển cho anh H3. Để hợp thức việc thanh toán, Công ty Minh T6 đã chuyển khoản tổng tiền ghi trên hóa đơn GTGT không từ tài khoản Công ty Minh T6 sang tài khoản của Công ty Anh N4. Sau đó, N4 rút số tiền 459.360.000đ từ tài khoản của Công ty Anh N4 trả lại tiền mặt cho anh H3. Do phải chi phí 10% tiền mua hóa đơn đầu vào nên số tiền bị cáo N4 được hưởng lợi bất chính là 4.176.000đ.

Như vậy, Mai Văn N đã mua, bán trái phép tổng số 58 hóa GTGT không, hưởng lợi bất chính số tiền 5.716.700đ.

Tại Kết luận giám định thuế số 3883/CT-KLGĐTP ngày 30/6/2020 của Cục thuế tỉnh Hưng Yên xác định: Việc Công ty Anh N4 sử dụng, kê khai đối với 58 hóa đơn GTGT không gây thiệt hại cho Ngân sách nhà nước số tiền: 3.217.183.202đ; không có đủ cơ sở xác định thiệt hại về thuế GTGT của từng công ty bán hóa đơn trái phép cho Công ty Anh N4. Do vậy không xác định được số tiền các bị cáo Nguyễn Thị T4, Trần Thị H1, Đào Thị T2, Nguyễn Thị Hải Y, Phạm Thị D1 và Vũ Thị N1 gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 109/2020/HS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên đã tuyên bố các bị cáo Mai Văn N, Phạm Thị D1 và Vũ Thị N1 phạm tội *Mua bán trái phép hóa đơn*.

Áp dụng điểm d, e khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Mai Văn N 02 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Phạm Thị D1 và Vũ Thị N1; xử phạt bị cáo Phạm Thị D1 80.000.000đ, bị cáo Vũ Thị N1 70.000.000đ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Các bị cáo Phạm Thị D1 và Vũ Thị N1 có đơn kháng cáo xin miễn hình phạt tiền; bị cáo Mai Văn N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Ngày 23/4/2021, bị cáo Phạm Thị D1 đã có đơn về việc rút toàn bộ kháng cáo và Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã ra Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Phạm Thị D1 ; còn bị cáo Vũ Thị N1 thì tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo có đơn xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Mai Văn N vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ 02 lần và bị cáo cũng chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo mà không bị kháng cáo, kháng nghị theo hướng bất lợi đối với bị cáo; do đó, việc tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo cũng không bất lợi cho bị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ cho bị cáo N4 một phần hình phạt tù (giảm 09 tháng tù) bởi vai trò, vị trí phạm tội của bị cáo chỉ là người làm giúp sức cho bố của bị cáo, bị cáo cũng đã tự nguyện nộp thay công ty và cả số tiền bị cáo được hưởng lợi là 200.000.000đồng để thể hiện sự ăn năn, hối cải đối với hành vi phạm tội.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Vũ Thị N1 cũng đã có đơn rút toàn bộ kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung xin rút kháng cáo của bị cáo và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Vũ Thị N1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên đều được coi là hợp lệ và đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, mặc dù bị cáo N4 vắng mặt, nhưng bị cáo đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2; Hơn nữa nội dung đơn kháng cáo của bị cáo thì chỉ xin được giảm nhẹ, xin được hưởng án treo và không bị kháng cáo – kháng nghị theo hướng bất lợi cho bị cáo. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát cấp phúc thẩm đề nghị xét xử vắng mặt đối với bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị cáo N4 .

Hội đồng xét xử cũng chấp nhận đơn rút kháng cáo của bị cáo Vũ Thị N1 để đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Vũ Thị N1.

[2] Về nội dung vụ án và áp dụng pháp luật:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì đã có đủ căn cứ pháp luật để khẳng định: Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2017 đến tháng 5/2019, Mai Văn N đã mua 53 hóa đơn giá trị gia tăng để cân đối đầu vào hàng hóa của Công ty Anh N4 và bán 05 hóa đơn giá trị gia tăng cho các Công ty, như: Công ty Minh L, Công ty Minh T6 và Công ty Khang N11 để thu lợi bất chính số tiền 5.716.700đồng. Hành vi mua, bán trái phép 58 hóa đơn của Mai Văn N đã gây thiệt

hại cho ngân sách nhà nước số tiền 3.217.183.202đồng. Nguyễn Thị T4 mua 31 hóa đơn giá trị gia tăng để bán cho Mai Văn N trong đó đã mua: 13 hóa đơn của Công ty Mai V thông qua Trần Thị H1; 08 hóa đơn của Công ty Mai H8 thông qua đối tượng tên N và 10 hóa đơn của Công ty Trung Anh thông qua đối tượng tên Vy; Nguyễn Thị T4 đã thu lợi bất chính số tiền 34.617.000đồng; Trần Thị H1 đã thu lợi bất chính số tiền 20.172.600đồng. Đào Thị T2 và Nguyễn Thị Hải Y mua 22 hóa đơn giá trị gia tăng của Phạm Thị D1 để bán cho Mai Văn N, trong đó mua: 09 hóa đơn của Công ty Tấn P2 do Phạm Thị D1 trực tiếp bán; 05 hóa đơn của công ty Hoàng Gia B1 do Phạm Thị D1 mua của Vũ Thị N1; 08 hóa đơn của công ty Vĩnh X do Phạm Thị D1 mua của đối tượng tên Kiều. Ngoài ra, Vũ Thị N1 còn bán trực tiếp 14 hóa đơn cho Công ty Vĩnh T1 thông qua đối tượng tên T4.

Số tiền Phạm Thị D1, Đào Thị T2, Nguyễn Thị Hải Y, Vũ Thị N1 đã thu lợi bất chính cụ thể là: D1: 46.121.388 đồng; T2: 22.000.000đồng; Y: 36.131.548 đồng; N1: 17.154.900 đồng.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Các bị cáo trong vụ án đều nhận thức được hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, nhưng vì động cơ vụ lợi, nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội để hưởng lợi. Trong vụ án này bị cáo Mai Văn N là người đặt vấn đề mua hóa đơn không, từ đó các bị cáo Phạm Thị D1, Vũ Thị N1 đã liên hệ với nhau để mua bán hóa đơn không rồi bán lại cho bị cáo N4, nên bị cáo N4 giữ vai trò chính trong vụ án; do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng pháp luật để xử phạt bị cáo N4 về hình phạt tù, mà không cho bị cáo được hưởng án treo hay áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính như đối với các bị cáo khác là cần thiết và đúng pháp luật.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Bị cáo N4 cũng như các bị cáo khác trong vụ án đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự, sau khi vụ án bị phát hiện thì đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo cũng đã tự nguyện nộp thay cho công ty 194.283.300 đồng, cũng như về khoản tiền bị cáo được hưởng lợi; bị cáo N4 còn được Giám đốc Công an tỉnh Hưng Yên tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua 02 năm liền (2012, 2013). Hơn nữa, vai trò của bị cáo trong vụ án này chỉ là giúp sức cho bố của bị cáo. Do bị cáo Mai Văn N có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự như đã nêu trên, nên cần giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt tù như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa.

Bị cáo Mai Văn N kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên và căn cứ vào các Điều 355 và 357 Bộ luật tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Vũ Thị N1. Bản án hình sự sơ thẩm có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo N1 kể từ ngày tòa án cấp phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo N1.

Chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo Mai Văn N, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 109/2020/HSST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên về phần hình phạt tù đối với bị cáo N4 .

Áp dụng các điểm d, e khoản 2 Điều 203; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Mai Văn N 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày bắt thi hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo N4 và bị cáo N1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Hùng

